

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày 05-5-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Quyết.

2. Bà Dương Thị Ninh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2022/TLST-HS, ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

BÀNG VĂN K (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1989 tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 07/12;

- Họ tên cha: Bàng Văn T, sinh năm 1971; Họ tên mẹ: Trần Thị Y, sinh năm 1971; Anh chị, em ruột: có 04 người bị cáo là thứ nhất;

- Vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1989; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018;

* Tiền án, Tiền sự, Nhân thân: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

+ **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Ma Ngọc K – Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt*

+ **Bị hại:** Bà Trần Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt*

+ **Người làm chứng:**

1. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1989;

2. Bà La Thị B, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Thôn T 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*Chị D có mặt; Bà B vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bàng Văn K, sinh năm 1989, trú tại thôn T 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang có mâu thuẫn tranh chấp đất đai với gia đình bà Trần Thị B, sinh năm 1958, trú tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sáng ngày 13/3/2021, bà Trần Thị B tự đến nhổ 64 cây Bạch đàn mới trồng của Bàng Văn K tại lô đất 144 khoảnh 393 thuộc thôn Trung Thành 1, xã Thành Long, huyện Hàm Yên (đất đang có tranh chấp) khiến cho K bức xúc. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 15/3/2021, bà Trần Thị B đi bộ từ nhà đến nhà ông Trần Văn Q thuộc thôn T 2, xã T, huyện H (em trai ruột bà B) hộ làm nhà. Khi bà B đi qua nhà Bàng Văn K thì chị Hoàng Thị D, sinh năm 1989, trú tại thôn T 2, xã T (vợ của K) thấy bà B nên chị bảo bà B đi xác định ranh giới đất, bà B không đồng ý, Bàng Văn K và chị Hoàng Thị D cãi, chửi nhau to tiếng với bà B. Bàng Văn K chạy ra đường, đến gần bà B tiếp tục cãi chửi, do bức xúc, K thấy cạnh đường có đoạn cây khô dài 2,47 mét, K chạy đến và dùng tay phải cầm vào phần gốc đoạn cây, tay trái cầm vào phần vế phía ngọn đoạn cây, cách vị trí tay phải cầm nắm 50cm, hai tay K nâng đoạn cây dơ ngang đầu và chạy nhanh về phía bà B, khi đó bà B đang tiếp tục đi về phía nhà ông Trần Văn Q, quay lưng về phía K. K chạy đến cách bà B khoảng 02 mét, K dừng lại đồng thời dùng lực hai tay vụt một lần đoạn cây khô chéo từ trên xuống dưới trúng vào bả vai phải, trượt xuống cẳng tay phải bà B, K vụt tiếp một phát trúng vào bả vai trái, một phát trúng vào lưng bà B. Do bị đau, bà B chạy về phía trước, K đuổi theo và vụt trúng vào mặt ngoài cẳng chân phải làm bà B ngã xuống đường, K tiếp tục dùng đoạn cây vụt vào hai chân bà B, bà B co hai chân lại, đồng thời hai tay ôm hai gối, nằm ngửa, K tiếp tục vụt trúng vào tay phải bà B, làm bà B bị gãy 02 xương cẳng tay phải, K dừng lại không vụt nữa rồi cầm đoạn cây khô đi đến gần cây cột điện ký hiệu 35 TT-LII vụt tại đó, xong đi vào nhà. Bà B được đưa đi bệnh viện điều trị.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 71/2021/TgT ngày 18/5/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định.

- Gãy đầu dưới 2 xương cẳng tay phải: 20%;
- Sẹo bờ ngoài cẳng tay phải kích thước như mô tả: 2%;
- Sẹo bờ trong cẳng tay phải kích thước như mô tả: 1%;

2. Cơ chế vật gây thương tích.

- Thương tích gãy kín 2 xương cẳng tay như trên là do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

3. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 22% (*Hai mươi hai phần trăm*) theo phương pháp cộng lùi”.

Từ nội dung trên, tại Cáo trạng số 11/CT-VKSHY ngày 27/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bàng Văn K về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (*thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1*) Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Bàng Văn K tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Nội dung lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra.

Kết thúc phần hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Bàng Văn K về tội “Cố ý gây thương tích” như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (*thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1*); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bàng Văn K từ 02 năm 6 tháng đến 3 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại các khoản chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật nhưng khi quyết định mức bồi thường phải xác định bị hại cũng có một phần lỗi.

- Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn cây khô, cong dài 2,47 m, đầu to nhất có đường kính 05 cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 03 cm, từ đầu to nhất đo lên đầu nhỏ 1,6m có một mấu mắt bị chặt vát nham nhở, hai đầu cây đều bị chặt nham nhở.

+ Trả lại cho bà Trần Thị B: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 6 Pro, màu đen; 01 (một) bao dao tự chế được làm bằng tre, dài 22,3cm, đường kính 7,6cm, bao dao đã qua sử dụng và 01 (một) con dao dài cả chuôi 44,3cm, chuôi dao dài 18,3cm, dao đã qua sử dụng.

Ngoài ra còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Bàng Văn K nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ma Ngọc K nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng; Về hình phạt ông Khanh đề nghị HĐXX

xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, Bị hại cũng có một phần lỗi. Ông K đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo mức nhẹ nhất của khung hình phạt là 02 năm tù; Về trách nhiệm bồi thường dân sự ông K đề nghị HĐXX xem xét chỉ buộc bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí thực tế, hợp lý theo yêu cầu của bị hại tại phiên tòa theo quy định của pháp luật và chia mức bồi thường vì trong vụ án này bị hại cũng có lỗi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bàn Văn K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Vật chứng thu giữ, kết luận giám định pháp y về thương tích, lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, các biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/3/2021, tại thôn T 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do mâu thuẫn cá nhân, bị cáo Bàn Văn K đã có hành vi dùng gậy gỗ vọt bà Trần Thị B, sinh năm 1958, trú tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang khiến bà B bị gãy kín 2 xương cẳng tay, gây tổn thương cơ thể đối với bà Trần Thị B là 22% (*Hai mươi hai phần trăm*). Hành vi của Bàn Văn K đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Bàn Văn K về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có hành vi dùng gậy gỗ vọt vào tay bà B khiến bà B bị gãy kín 2 xương cẳng tay, gây tổn thương cơ thể đối với bà B với tỷ lệ 22% là hành vi nguy hiểm đã xâm phạm đến sức khỏe của bà B, đồng thời còn gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết việc sử dụng gậy gỗ là hung khí nguy hiểm vọt vào tay bà B, làm tổn hại đến sức khỏe của bà B là sai và vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo Bàn Văn

K thật nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo: Do bị hại bà Trần Thị B có hành vi tự đến nhổ 64 cây Bạch đàn mới trồng của bị cáo tại lô đất 144 khoảnh 393 thuộc thôn Trung Thành 1, xã Thành Long, huyện Hàm Yên (đất đang có tranh chấp) khiến cho bị cáo bức xúc dẫn đến bị cáo và bà B xảy ra cãi chửi nhau, sau đó bị cáo đã gây thương tích cho bà B. Trong vụ án này xác định bị hại bà Trần Thị B cũng có một phần lỗi nên khi lượng hình cũng cần phải xem xét cho bị cáo để lên mức án phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Bị hại cũng có một phần lỗi nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Bàn Văn K, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo với mức án trong khung đề nghị như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn K: Ông Ma Ngọc K đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất của đầu khung hình phạt là 02 năm tù. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà bị cáo đã gây thương tích cho bị hại; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã không khắc phục hậu quả, không có động thái bồi thường thiệt hại cho bị hại nên mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ. Do vậy, ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất của đầu khung hình phạt là 02 năm tù không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà Trần Thị B yêu cầu bị cáo Bàn Văn K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm các khoản chi phí sau:

- Tiền chi phí điều trị, cứu chữa tại Trung tâm y tế huyện Hàm Yên và tiền mua thuốc, tổng số tiền là: 11.692.000 đồng.

- Tiền thuê xe đi cấp cứu, chữa bệnh, tổng số tiền là: 1.950.000 đồng.

- Tiền bồi thường về thu nhập bị mất của bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện, số tiền là: 08 ngày x 180.000đ/ngày = 1.440.000 đồng.

- Tiền thu nhập bị mất của người phục vụ trong thời gian bị hại nằm viện, số tiền là: 08 ngày x 180.000đ/ngày = 1.440.000 đồng.

- Tiền bồi thường bù đắp về tổn thất tinh thần cho bị hại, số tiền là: 25.000.000 đồng.

- Tiền thu nhập bị giảm sút của bị hại sau khi ra viện không lao động được, số tiền là: 180 ngày x 160.000đ/ngày = 28.800.000 đồng.

- Tiền thu nhập bị giảm sút của người chăm sóc bị hại sau khi bị hại ra viện không lao động được, số tiền là: 30 ngày x 160.000đ/ngày = 4.800.000 đồng.

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại sau khi ra viện, số tiền là: 12.000.000 đồng.

- Tiền mua thuốc nam chữa vết thương cho bị hại, tổng số tiền là: 4.500.000 đồng.

Tổng số tiền bị hại Trần Thị B yêu cầu bị cáo Bằng Văn K phải bồi thường là: 91.622.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác.

Tại phiên tòa bị cáo Bằng Văn K nhất trí bồi thường cho bị hại khoản chi phí: Tiền chi phí điều trị, cứu chữa tại Trung tâm y tế huyện Hàm Yên và tiền mua thuốc, tổng số tiền là: 11.692.000 đồng; Tiền thuê xe đi cấp cứu, chữa bệnh, tổng số tiền là: 1.950.000 đồng; Tiền bồi thường về thu nhập bị mất của bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện, số tiền là: 1.440.000 đồng; Tiền thu nhập bị mất của người phục vụ trong thời gian bị hại nằm viện, số tiền là: 1.440.000 đồng.

- Đối với các khoản chi phí mà bị hại yêu cầu gồm: Tiền bồi thường bù đắp về tổn thất tinh thần cho bị hại, số tiền là: 25.000.000 đồng; Tiền thu nhập bị giảm sút của bị hại sau khi ra viện không lao động được, số tiền là: 28.800.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại sau khi ra viện, số tiền là: 12.000.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường các khoản chi phí trên nhưng bị cáo cho rằng bị hại yêu cầu mức bồi thường trên là quá cao, không đúng thực tế và không đúng quy định của pháp luật nên bị cáo không nhất trí bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của bị hại mà chỉ nhất trí bồi thường $\frac{1}{2}$ các khoản chi phí trên, nếu bị hại không nhất trí thì đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với các khoản chi phí mà bị hại yêu cầu gồm: Tiền thu nhập bị giảm sút của người chăm sóc bị hại sau khi bị hại ra viện không lao động được, số tiền là: 4.800.000 đồng; Tiền mua thuốc nam chữa vết thương cho bị hại, tổng số tiền là: 4.500.000 đồng. Bị cáo không nhất trí bồi thường các khoản chi phí trên vì bị cáo

cho rằng bị hại yêu cầu các khoản chi phí trên không đúng thực tế và không đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với các khoản chi phí mà bị hại yêu cầu gồm: Tiền thu nhập bị giảm sút của người chăm sóc bị hại sau khi bị hại ra viện không lao động được, số tiền là: 4.800.000 đồng; Tiền mua thuốc nam chữa vết thương cho bị hại, tổng số tiền là: 4.500.000 đồng. HĐXX xét thấy các khoản chi phí trên mà bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường không đúng thực tế, không có chỉ định của bác sĩ và không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

- Đối với các khoản yêu cầu bồi thường còn lại mà bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường là có căn cứ. Tuy nhiên một số yêu cầu đã được bị cáo chấp nhận, còn một số yêu cầu nhưng mức yêu cầu bồi thường chưa hợp lý và chưa đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chỉ có căn cứ chấp nhận những khoản chi phí thực tế và hợp lý. Cụ thể các khoản bị cáo Bàn Văn K phải bồi thường cho bị hại được tính như sau:

+ Tiền chi phí điều trị, cứu chữa tại Trung tâm y tế huyện Hàm Yên và tiền mua thuốc, tổng số tiền là: 11.692.000 đồng.

+ Tiền thuê xe đi cấp cứu, chữa bệnh, tổng số tiền là: 1.950.000 đồng.

+ Tiền bồi thường về thu nhập bị mất của bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện, số tiền là: 08 ngày x 180.000đ/ngày = 1.440.000 đồng.

+ Tiền thu nhập bị mất của người phục vụ trong thời gian bị hại nằm viện, số tiền là: 08 ngày x 180.000đ/ngày = 1.440.000 đồng.

+ Tiền bồi thường bù đắp về tổn thất tinh thần cho bị hại, số tiền là: 12 tháng x 1.490.000đ/tháng = 17.880.000 đồng.

+ Tiền thu nhập bị giảm sút của bị hại sau khi ra viện không lao động được, số tiền là: 70 ngày x 160.000đ/ngày = 11.200.000 đồng.

+ Tiền bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại sau khi ra viện, số tiền là: 6.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Bàn Văn K phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại bà Trần Thị B là: 51.602.000 đồng. Tuy nhiên trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi nên HĐXX xác định bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo tỷ lệ 80% tổng mức bồi thường. Như vậy bị cáo Bàn Văn K phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại bà Trần Thị Bình số tiền là: 41.281.600đ (*Bốn mươi một triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm đồng*).

[5] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Yên đã thu giữ: 01 (một) đoạn cây khô, cong dài 2,47 m, đầu to nhất có đường kính 05 cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 03 cm, từ đầu to nhất đo lên đầu nhỏ 1,6m có một mấu mắt bị chặt vát nham nhở, hai đầu cây đều bị chặt nham nhở; 01

(một) điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 6 Pro, màu đen; 01 (một) bao dao tự chế được làm bằng tre, dài 22,3cm, đường kính 7,6cm, bao dao đã qua sử dụng và 01 (một) con dao dài cả chuôi 44,3cm, chuôi dao dài 18,3cm, dao đã qua sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với 01 (một) đoạn cây khô, cong dài 2,47 m, đầu to nhất có đường kính 05 cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 03 cm, từ đầu to nhất đo lên đầu nhỏ 1,6m có một mấu mắt bị chặt vát nham nhở, hai đầu cây đều bị chặt nham nhở. Đây là vật chứng của vụ án và là công cụ bị cáo dùng để phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tiêu hủy theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 6 Pro, màu đen; 01 (một) bao dao tự chế được làm bằng tre, dài 22,3cm, đường kính 7,6cm, bao dao đã qua sử dụng và 01 (một) con dao dài cả chuôi 44,3cm, chuôi dao dài 18,3cm, dao đã qua sử dụng. Đây là tài sản của bà Trần Thị B, không liên quan đến vụ án và tại phiên tòa bà B đề nghị trả lại nên cần trả lại các tài sản trên cho bà B theo quy định.

[6] Quá trình điều tra, bà Trần Thị B xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 6 Pro, màu đen của bà bị bị cáo Bàn Văn K làm hư hỏng nhưng ngoài lời khai của bà B, không có tài liệu chứng cứ chứng minh bị cáo cố ý làm hư hỏng chiếc điện thoại trên nên không đủ cơ sở kết luận, xử lý đối với bị cáo. Tại phiên tòa bà Bình không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với chiếc điện thoại trên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Ngày 13/3/2021, bà Trần Thị B có hành vi nhổ 64 cây bạch đàn trên diện tích đất đang có tranh chấp của bị cáo Bàn Văn K nhưng giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng, bà B chưa bị xử lý hành chính về hành vi này, chưa có tiền án về tội hủy hoại tài sản nên ngày 15/11/2021, Công an huyện Hàm Yên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị B về hành vi Hủy hoại tài sản của người khác với mức phạt là 2.750.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn K, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134 (*thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1*); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Bàn văn K **02 (Hai)** năm **9 (Chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 590, 593 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Bàn Văn K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại bà Trần Thị B, tổng số tiền là: 41.281.600đ (*Bốn mươi một triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bị cáo Bàn Văn K chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn cây khô, cong dài 2,47m, đầu to nhất có đường kính 05cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 03cm, từ đầu to nhất đo lên đầu nhỏ 1,6m có một mấu mắt bị chặt vát nham nhở, hai đầu cây đều bị chặt nham nhở.

+ Trả lại cho bà Trần Thị B: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 6 Pro, màu đen, dung lượng 32GB, số IMEI: 868585046054111, điện thoại bị xây xước nhiều vị trí, màn hình cảm ứng nứt vỡ, kính bảo vệ camera phía sau nứt vỡ, điện thoại đã qua sử dụng; 01 (một) bao dao tự chế được làm bằng tre, dài 22,3cm, đường kính 7,6cm, trên bao dao được gắn hai dây kim loại quấn quanh bao dao cách nhau 6cm và gắn một đoạn dây dù dài 103cm, mặt trong của bao dao được ốp một miếng gỗ dài 7,3cm, bao dao đã qua sử dụng; 01 (một) con dao dài cả chuôi 44,3cm, chuôi dao dài 18,3cm, phần đốc chuôi dao đường kính nhỏ nhất 2,7cm, đường kính lớn nhất 4,7cm, bản dao nhỏ nhất 2,6cm lớn nhất 4,7cm, bản dao có in dập chữ “QUÂN”, dao có một lưỡi sắc, phần lưỡi dao có một vết nứt dài 2,6cm, một vết nứt dài 2,8cm, hai vết nứt cách nhau 3,6cm, khâu dao được làm bằng kim loại dài 1,3cm, dao đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Hàm Yên đã giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Hàm Yên ngày 27 tháng 01 năm 2022).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bàn Văn K phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.064.000 đồng (*Hai triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T.Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Công an huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng